

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/KDTM-ST

Ngày: 27/9/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Xet;

2. Bà Huỳnh Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 47/2022/TLST-KDTM ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH A; địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp D, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên hệ: Văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh, phòng 4.11, tầng 4, tòa nhà Etown 1, số 364 H, phường 13, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Bính Kh, sinh năm 1976; thường trú: Số 88 H, phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số 11/15 Nguyễn Thái S, phường 3, quận V, thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền; có mặt

2. Bị đơn: Công ty TNHH sản xuất gỗ O; địa chỉ trụ sở: Lô đất số 311, tờ bản đồ số 39, khu phố 8, phường U, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông L, sinh năm 1977; chỗ ở hiện nay: Lô đất số 311, tờ bản đồ số 39, khu phố 8, phường U, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/11/2020, Công ty TNHH A (sau đây viết tắt là Công ty A) và Công ty TNHH sản xuất gỗ O (sau đây viết tắt là Công ty O) ký hợp đồng mua bán số DKA005/OUSEN/2021-01. Theo đó, Công ty A cung cấp các sản phẩm keo công nghiệp, chất xúc tác cho Công ty O theo từng đơn hàng. Đơn giá do Công ty A báo giá bằng văn bản gửi cho Công ty O; số lượng hàng hóa và chủng loại sản phẩm của mỗi đơn hàng do Công ty O đặt hàng qua điện thoại. Hình thức thanh toán: Công ty O thanh toán bằng chuyển khoản cho Công ty A trong vòng 30 ngày kể từ ngày hóa đơn. Trong trường hợp Công ty O thanh toán chậm hơn so với thời hạn thanh toán nêu trên, thì Công ty O phải thanh toán thêm 0,1%/ngày trên số tiền chậm trả cho Công ty A (Điều 5 của Hợp đồng). Số tiền thanh toán thêm này là tiền bồi thường do Công ty O chậm thanh toán tiền mua hàng cho Công ty A. Đồng thời Công ty O còn phải chịu phạt 8% giá trị Hợp đồng vi phạm (Điều 12 của Hợp đồng).

Tuy nhiên, trong quá trình sản xuất kinh doanh, Công ty O thực hiện không đúng thỏa thuận theo Hợp đồng đã ký, nên phát sinh công nợ. Tính đến thời điểm này, Công ty O còn nợ Công ty A số tiền mua hàng là 278.124.000 đồng. Căn cứ vào các hóa đơn đã xuất cho Công ty O.

Mặc dù, hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng mức bồi thường chậm thanh toán là 0,1%/ngày. Tuy nhiên, tại phiên tòa với mong muốn chia sẻ một phần khó khăn với khách hàng, nên Công ty A tự nguyện giảm mức bồi thường từ 0,1%/ngày xuống còn 0,055%/ngày, tương đương 1,6%/tháng, tương đương 20%/năm.

Chi tiết nợ lãi tính đến ngày 27/9/2022, như sau:

Số hóa đơn	Ngày hóa đơn	Số tiền nợ (đồng)	Ngày thanh toán	Số ngày nợ	Số nợ lãi quá hạn (đồng)
0009551	28/6/2021	47.916.000	28/7/2021	425	11.200.025
0009860	09/7/2021	71.874.000	08/8/2021	414	16.365.420
0009884	10/7/2021	23.958.000	09/8/2021	413	5.441.688
0001204	12/10/2021	36.696.000	11/11/2021	419	6.438.058
0001486	26/10/2021	43.560.000	25/11/2021	405	7.307.190
0001986	17/11/2021	47.256.000	17/12/2021	287	7.355.170
0001987	17/11/2021	6.864.000	17/12/2021	287	1.068.325
Tổng cộng nợ		278.124.000 (1)			55.175.876 (2)

Tiền bồi thường do chậm thanh toán tạm tính đến ngày 27/9/2022 của các đơn hàng là: 55.175.876 đồng.

Tiền bồi thường do chậm thanh toán được tính theo công thức như sau: Số tiền nợ x 0,055% x số ngày nợ. Công ty O chậm thanh toán tiền mua hàng cho Công ty A. Do đó, Công ty O đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại khoản 5.3, Điều 5 của Hợp đồng.

Tiền phạt vi phạm Hợp đồng, căn cứ theo quy định tại khoản 12.2, Điều 12 của Hợp đồng được tính theo công thức: Số tiền vi phạm x 8%. Cụ thể: $278.124.000 \times 8\% = 22.249.920$ đồng (3)

Tổng số tiền nợ Công ty O phải trả cho Công ty A là: (1) + (2) + (3) = 355.549.796 đồng

Công ty A đã nhiều lần yêu cầu Công ty O thanh toán nhưng Công ty O vẫn không thanh toán số công nợ quá hạn trên nên Công ty A phải nhờ đến sự can thiệp của cơ quan bảo vệ pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty O có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty A tổng số tiền là 355.549.796 đồng; trong đó: tiền nợ gốc 278.124.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán 55.175.876 đồng và tiền phạt do vi phạm chậm thanh toán 22.249.920 đồng.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty O theo đúng quy định pháp luật nhưng đại diện Công ty O không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Công văn số 898/ĐKKD ngày 11/7/2022 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH sản xuất gỗ O (đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 25/10/2019) xác định Công ty TNHH sản xuất gỗ O đăng ký địa chỉ trụ sở chính tại Lô đất số 311, tờ bản đồ số 39, khu phố 8, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Tình trạng pháp lý: Đang hoạt động. Hiện tại, Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chưa nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ tạm ngưng hay giải thể của doanh nghiệp nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty O thanh toán số tiền còn nợ liên quan đến Hợp đồng mua bán hàng hoá. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty O có trụ sở hoạt động tại khu phố 8, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình tố tụng, Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty O không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1.3] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn Công ty O đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Đại diện nguyên đơn Công ty A yêu cầu bị đơn Công ty O thanh toán tiền gốc 278.124.000 đồng; tiền lãi do chậm thanh toán với lãi suất 0,055%/ngày là 55.175.876 đồng và tiền phạt 8% giá trị hợp đồng vi phạm là 22.249.920 đồng; tổng cộng 355.549.796 đồng. Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu về nợ gốc: Xét thấy, giữa Công ty A và Công ty O có ký Hợp đồng mua bán số DKA005/OUSEN/2021-01, ngày 02/11/2020. Theo đó, Công ty A cung cấp các sản phẩm keo công nghiệp, chất xúc tác cho Công ty O theo từng đơn hàng. Đơn giá do Công ty A báo giá bằng văn bản gửi cho Công ty O; số lượng hàng hóa và chủng loại sản phẩm của mỗi đơn hàng do Công ty O đặt hàng qua điện thoại. Hợp đồng giữa Công ty A và Công ty O thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã

hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty O đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Acica với tổng số tiền 278.124.000 đồng, được cụ thể tại các phiếu xuất kho/biên nhận giao hàng/xác nhận đơn hàng và các hóa đơn giá trị gia tăng kèm theo số 0009551 ngày 28/6/2021; số 0009860 ngày 09/7/2021; số 0009884 ngày 10/7/2021; số 0001204 ngày 12/10/2021; số 0001486 ngày 26/10/2021; số 0001986 ngày 17/10/2021 và số 0001987 ngày 17/10/2021. Theo biên bản xác minh ngày 19/8/2022 của Chi cục Thuế thị xã Tân Uyên thể hiện, các hoá đơn giá trị gia tăng nêu trên Công ty O đã sử dụng kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng vào thời điểm quý 2/2021, quý 3/2021 và quý 4/2021. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại năm 2005. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 278.124.000 đồng là có cơ sở.

[2.2] Về tiền lãi chậm thanh toán: Công ty A yêu cầu Công ty O phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán sau 30 ngày kể từ ngày xuất từng hoá đơn giá trị gia tăng cho đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,055%/ngày, tương đương 1,6%/tháng, tương đương 20%/năm tổng số tiền là 55.175.876 đồng. Xét thấy, tại khoản 5.3 Điều 5 Hợp đồng mua bán số DKA005/OUSEN/2021-01 ngày 02/11/2020 giữa Công ty A và Công ty O có thỏa thuận: *“Bên A phải thanh toán cho Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoá đơn. Trong trường hợp Bên A thanh toán chậm hơn so với thời hạn thanh toán nêu trên, Bên A phải thanh toán thêm 0,1%/ngày trên số tiền chậm trả cho Bên B...”*. Tuy nhiên, tại phiên toà đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền chậm thanh toán với lãi suất 0,055%/ngày, tương đương 1,6%/tháng, tương đương 20%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại và Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Công ty O phải thanh toán cho Công ty A số tiền lãi chậm thanh toán là 55.175.876 đồng.

[2.3] Về tiền phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng: Xét thấy, tại khoản 12.2 Điều 12 Hợp đồng mua bán số DKA005/OUSEN/2021-01 ngày 02/11/2020 giữa Công ty A và Công ty O có thỏa thuận: *“Trong trường hợp vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng hoặc pháp luật liên quan, Bên vi phạm phải trả cho Bên bị vi phạm một khoản tiền phạt tương đương 8% giá trị phần giá trị Hợp đồng bị vi phạm...”*. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền phạt 8% giá trị Hợp đồng vi phạm với số tiền 22.249.920 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 301 của Luật Thương mại nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 30, 35, 39, 147, 228, 229, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các điều 24, 50, 55, 301, 306 và 319 của Luật Thương mại;
- Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A đối với bị đơn Công ty TNHH sản xuất gỗ O về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty TNHH sản xuất gỗ O có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH A tổng số tiền là 355.549.796 đồng (*ba trăm năm mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng*); trong đó tiền nợ gốc là 278.124.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 55.175.876 đồng và tiền phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng là 22.249.920 đồng.

Khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

2.1 Công ty TNHH sản xuất gỗ O phải chịu số tiền 17.777.000 đồng (*mười bảy triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*) án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

2.2 Công ty TNHH A không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm; được trả lại số tiền 9.069.245 đồng (*chín triệu không trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi lăm đồng*), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005955 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

3.1 Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

3.2 Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Lê